



Giải quyết từng vấn đề. Làm tròn câu trả lời của bạn đến phần mười gần nhất.

Câu trả lời

1) $0.4 \overline{) 8,02}$

2) $0.7 \overline{) 19,2}$

3) $0.2 \overline{) 13,5}$

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

4) $0.7 \overline{) 0,974}$

5) $0.6 \overline{) 9,74}$

6) $0.8 \overline{) 0,668}$



Giải quyết từng vấn đề. Làm tròn câu trả lời của bạn đến phần mười gần nhất.

Câu trả lời

$$\begin{array}{r} 1) \ 0.4 \overline{) 8,02} \\ \underline{-8,0000} \quad 20 \\ 0,0200 \\ \underline{-0,0200} \quad 0,05 \\ 0,0000 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2) \ 0.7 \overline{) 19,2} \\ \underline{-14,000} \quad 20 \\ 5,200 \\ \underline{-4,900} \quad 7 \\ 0,300 \\ \underline{-0,280} \quad 0,4 \\ 0,020 \\ \underline{-0,014} \quad 0,02 \\ 0,006 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3) \ 0.2 \overline{) 13,5} \\ \underline{-12,000} \quad 60 \\ 1,500 \\ \underline{-1,400} \quad 7 \\ 0,100 \\ \underline{-0,100} \quad 0,5 \\ 0,000 \end{array}$$

1. **20,1**2. **27,4**3. **67,5**4. **1,4**5. **16,2**6. **0,8**

$$\begin{array}{r} 4) \ 0.7 \overline{) 0,974} \\ \underline{-0,70000} \quad 1 \\ 0,27400 \\ \underline{-0,21000} \quad 0,3 \\ 0,06400 \\ \underline{-0,06300} \quad 0,09 \\ 0,00100 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5) \ 0.6 \overline{) 9,74} \\ \underline{-6,0000} \quad 10 \\ 3,7400 \\ \underline{-3,6000} \quad 6 \\ 0,1400 \\ \underline{-0,1200} \quad 0,2 \\ 0,0200 \\ \underline{-0,0180} \quad 0,03 \\ 0,0020 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6) \ 0.8 \overline{) 0,668} \\ \underline{-0,64000} \quad 0,8 \\ 0,02800 \\ \underline{-0,02400} \quad 0,03 \\ 0,00400 \end{array}$$



Giải quyết từng vấn đề. Làm tròn câu trả lời của bạn đến phần mười gần nhất.

Câu trả lời

67,5

20,1

27,4

0,8

1,4

16,2

1) $0.4 \overline{) 8,02}$

2) $0.7 \overline{) 19,2}$

3) $0.2 \overline{) 13,5}$

1. _____

2. _____

3. _____

4. _____

5. _____

6. _____

4) $0.7 \overline{) 0,974}$

5) $0.6 \overline{) 9,74}$

6) $0.8 \overline{) 0,668}$